

Số: /QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh và phân bổ dự toán kinh phí không tự chủ năm 2025 của các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3569/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của trưởng phòng Kế hoạch tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán kinh phí không tự chủ năm 2025 của các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo như sau:

(1) Điều chỉnh giảm: Kinh phí khen thưởng toàn ngành: 200 triệu đồng.

(2) Điều chỉnh tăng: Kinh phí hoạt động chuyên môn, nhiệm vụ của Văn phòng Sở: 200 triệu đồng.

(chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm)

(3) Phân bổ chi tiết kinh phí không thực hiện tự chủ cho các đơn vị thuộc Sở.

(chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm)

Điều 2. Căn cứ Quyết định điều chỉnh và phân bổ dự toán kinh phí không tự chủ năm 2025, các đơn vị sử dụng NSNN chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật trong quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được giao đảm bảo đúng chế độ, chính sách quy định và tổ chức thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành, tuyệt đối

không để thất thoát ngân sách nhà nước. Trường hợp nhiệm vụ chi đã được giao dự toán cho các đơn vị nhưng chưa có chủ trương của cấp có thẩm quyền, đơn vị chỉ được thực hiện dự toán khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng các đơn vị thuộc Sở, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh(huyện, thị xã, thành phố);
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thúy

PHỤ LỤC 01. ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ NĂM 2025*Đơn vị tính: đồng*

STT	Nội dung	Tổng kinh phí đã phân bổ tại Quyết định 130/QĐ- SGDDT, ngày 09/01/2025	Kinh phí điều chỉnh tăng	Kinh phí điều chỉnh giảm	Kinh phí sau điều chỉnh
A	B	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4 = 1+2-3</i>
	Tổng cộng	9.042.000.000	200.000.000	200.000.000	9.042.000.000
1	Khen thưởng toàn ngành	4.212.000.000		200.000.000	4.012.000.000
2	Hoạt động chuyên môn	4.830.000.000	200.000.000		5.030.000.000
2.1	Nhiệm vụ Văn phòng	4.830.000.000	200.000.000		5.030.000.000

**PHỤ LỤC 02. PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI TIẾT
NGUỒN KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ NĂM 2025 CHO CÁC ĐƠN VỊ THUỘC SỞ**

TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (I + II+.....+IX)	64.183.000.000	
I	CẤP BÙ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP, HỖ TRỢ HỌC PHÍ, CHẾ ĐỘ HỌC SINH BÀN TRÚ	16.740.000.000	
II	KHEN THƯỞNG CÁC KỲ THI (TCCB)	7.559.000.000	
	THƯỞNG KỲ THI CHỌN HSG CẤP TỈNH THCS NĂM 2025 (1+2+3)	1.342.500.000	
1	Thưởng cho học sinh	730.000.000	
2	Thưởng cho HS dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn theo NQ số 16/2021/NQ-HĐND	165.000.000	
3	Thưởng cho Giáo viên dạy học sinh đoạt giải (bằng 1/2 tiền thưởng cho học sinh)	447.500.000	
	THƯỞNG KỲ THI CHỌN HSG CẤP TỈNH THPT NĂM 2025	2.259.000.000	
4	Thưởng cho học sinh	1.390.000.000	
5	Thưởng cho HS dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn theo NQ số 16/2021/NQ-HĐND	116.000.000	
6	Thưởng cho Giáo viên dạy học sinh đoạt giải (bằng 1/2 tiền thưởng cho học sinh)	753.000.000	
	THƯỞNG KỲ THI CHỌN HSG QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2024 - 2025	3.657.500.000	
7	Thưởng cho học sinh	2.610.000.000	
8	Thưởng cho HS dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn theo NQ số 16/2021/NQ-HĐND	135.000.000	
9	Thưởng cho Giáo viên dạy học sinh đoạt giải (bằng 1/2 tiền thưởng cho học sinh)	912.500.000	
	THƯỞNG KỲ THI CHỌN HSG CẤP KHU VỰC QUỐC TÊ THPT NĂM HỌC 2024 - 2025	300.000.000	
10	Thưởng cho học sinh	200.000.000	
11	Thưởng cho Giáo viên dạy học sinh đoạt giải (bằng 1/2 tiền thưởng cho học sinh)	100.000.000	
III	KHEN THƯỞNG TOÀN NGÀNH (VP)	4.012.000.000	
IV	HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN	23.326.000.000	
A	LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	10.758.000.000	
1	Các đoàn đánh giá ngoài năm 2025	2.028.100.000	
2	Kiểm tra việc thực hiện công tác KĐCLGD, xây dựng trường đạt CQG và công khai trong các CSGD	1.530.000	
3	Kỳ thi chọn sinh giỏi quốc gia THPT năm học 2024-2025 (HĐ coi thi tại tỉnh Quảng Ninh, Đoàn CBGV cử đi coi thi tỉnh ngoài)	209.105.000	
4	Tổ chức Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THCS năm 2025	804.116.000	
5	Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025 - 2026 (HĐ ra đề và in sao đề thi, HĐ chấm thi, HĐ phúc khảo)	2.997.240.000	
6	Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025	2.824.599.000	
7	Tập huấn Quy chế thi, phần mềm thi tốt nghiệp THPT năm	75.400.000	

TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ	Ghi chú
	2025		
8	Tập huấn chấm thi trắc nghiệm Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025	14.940.000	
9	Kỳ thi lập đội tuyển của tỉnh dự thi HSGQG THPT năm học 2025-2026	684.148.000	
10	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm 2025 (HĐ ra đề, HĐ chấm thi, HĐ phúc khảo)	1.024.522.000	
11	In bằng tốt nghiệp THPT năm 2025	9.300.000	
12	Đại hội Đảng bộ Sở GDĐT lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030	85.000.000	
B	LĨNH VỰC THANH TRA	1.296.000.000	
I	CÔNG TÁC THANH TRA		
1	Thanh tra Trường PTDTNT THCS&THPT tỉnh	21.250.000	
2	Trung tâm GDNN&GDTX Móng Cái	36.670.000	
3	Trường THCS Đông Mai , THCS Hiệp Hoà	53.770.000	
4	Trường MN Bình Ngọc, MN Ninh Dương	53.770.000	
5	Trường TH Hoàn Mô - TH Tĩnh Húc	48.900.000	
6	Trường THPT Hoàn Bồ	29.250.000	
7	Trường THPT Đường Hoa Cương	34.340.000	
8	Trường THCS Lê Lợi, Hạ Long	29.250.000	
9	Trường THPT Chu Văn An - Móng Cái	36.670.000	
10	Thanh tra thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THCS năm học 2024-2025 (coi, chấm, phúc khảo)	22.000.000	
11	Thanh tra tuyển sinh vào lớp 10 (coi, chấm, phúc khảo) năm học 2025-2026	145.077.000	
12	Thanh tra Thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (coi, chấm, phúc khảo)	95.170.000	
13	Thanh tra thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm học 2025-2026 (coi, chấm, phúc khảo)	22.000.000	
14	Thanh tra thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm học 2025-2026 (coi, chấm, phúc khảo)	22.000.000	
II	CÔNG TÁC KIỂM TRA		
1	Thanh tra, kiểm tra đột xuất	10.000.000	
2	Thanh tra, kiểm tra đột xuất	15.400.000	
3	Kiểm tra thực hiện kết luận sau thanh tra	11.250.000	
4	Kiểm tra công tác TCD, GQKNTC	15.400.000	
5	Kiểm tra công tác xét tốt nghiệp THCS	15.400.000	
III	TẬP HUẤN VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN		
1	Trang phục Thanh tra	45.000.000	
2	Tập huấn thanh tra thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026	58.800.000	
3	Tập huấn thanh tra thi tốt nghiệp THPT năm 2025	62.260.000	
4	Tập huấn công tác TCD và GDKNTC	65.670.000	
5	Tập huấn triển khai nhiệm vụ năm học công tác thanh tra, kiểm tra	65.760.000	
6	Tập huấn công tác kiểm tra do Bộ GDĐT tổ chức và Kiểm tra thi THPT tại tỉnh/thành phố do Bộ GDĐT giao (theo triệu tập của Bộ GDĐT)	27.540.000	
7	Tập huấn công tác thanh tra/pháp chế do Bộ GDĐT tổ chức (theo triệu tập của Bộ GDĐT)	27.000.000	
8	Tập huấn công tác pháp chế, truyền thông chính sách	55.760.000	
9	Tổ chức tuyên truyền phổ biến giáo dục trực tiếp tại 5 cơ sở	114.883.000	

TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ	Ghi chú
	giáo dục trên địa bàn tỉnh		
10	Hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục, thanh tra nội bộ trong các cơ sở giáo dục	55.760.000	
C	LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHỔ THÔNG	4.733.000.000	
C1	Lĩnh vực giáo dục tiểu học	834.233.000	
1	Tập huấn nâng cao năng lực cho CBQL, GV ứng dụng các phần mềm hỗ trợ dạy và học trực tiếp, trực tuyến đáp ứng chuyển đổi số cấp tiểu học	35.885.000	
2	Tập huấn đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng dạy học môn học, hoạt động giáo dục cấp Tiểu học theo Chương trình GDPT 2018 (02 đợt)	61.378.000	
3	Hội nghị triển khai nhiệm vụ Giáo dục Tiểu học năm học 2025-2026	32.900.000	
4	Kiểm tra việc triển khai thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Tiểu học (tại 3 phòng GDĐT và các cơ sở giáo dục Tiểu học)	30.390.000	
5	Tham gia các Hội nghị, tập huấn do Bộ GDĐT tổ chức	25.400.000	
6	Hội thi giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi tiểu học cấp tỉnh	571.970.000	
7	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy môn Tiếng Anh cấp Tiểu học	38.600.000	
8	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy môn Tin học cấp Tiểu học	10.000.000	
9	Tập huấn môn Công nghệ cấp Tiểu học trong chương trình GDPT 2018	12.000.000	
10	Tập huấn triển khai sử dụng các sản phẩm của hệ thống học liệu Tiếng Anh cấp tiểu học	15.710.000	
C2	Lĩnh vực giáo dục trung học	2.437.085.000	
1	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học cấp trung học tại 03 phòng GDĐT và các cơ sở giáo dục	35.537.000	
2	Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm học 2024-2025 cấp trung học	40.860.000	
3	Tham dự Hội nghị, tập huấn của Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp trung học	25.350.000	
4	Kiểm tra công nhận thư viện các trường THPT đề nghị công nhận	10.000.000	
5	Kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	25.000.000	
6	Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh cấp tỉnh năm học 2024-2025	284.290.000	
7	Thưởng Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp tỉnh, cấp Quốc Gia năm học 2024-2025	225.000.000	
8	Hoàn thiện dự án dự thi Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp quốc gia năm học 2024-2025	100.050.000	
9	Đưa đoàn học sinh tham dự cuộc thi KHKT cấp quốc gia	39.350.000	
10	Tập huấn dạy học môn Toán theo định hướng giáo dục STEM (cấp THCS)	38.860.000	
11	Tập huấn dạy học môn Khoa học tự nhiên theo định hướng giáo dục STEM	33.290.000	
12	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy môn Tin học cấp THCS	20.740.000	
13	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy môn Tiếng Anh cấp THCS	38.860.000	

TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ	Ghi chú
14	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy môn Ngữ văn cấp THCS	38.860.000	
15	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy môn Lịch sử và Địa lí	38.000.000	
16	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy môn Giáo dục công dân	20.740.000	
17	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy môn Công nghệ cấp THCS	20.740.000	
18	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy môn Giáo dục thể chất cấp THCS	20.740.000	
19	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy môn Nghệ thuật	35.885.000	
20	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cấp THCS	25.740.000	
21	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy nội dung Giáo dục địa phương cấp THCS	25.740.000	
22	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy môn Toán cấp THPT	28.740.000	
23	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy môn Vật lí	20.740.000	
24	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy môn Hóa học	20.740.000	
25	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy môn Sinh học	20.740.000	
26	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy môn Tin học cấp THPT	20.740.000	
27	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy môn Tiếng Anh cấp THPT	28.750.000	
28	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy môn Ngữ văn cấp THPT	28.740.000	
29	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy môn Lịch sử	20.740.000	
30	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy môn Địa lí	20.740.000	
31	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	20.740.000	
32	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy môn Công nghệ cấp THPT	20.740.000	
33	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	23.380.000	
34	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy môn Giáo dục thể chất cấp THPT	20.740.000	
35	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cấp THPT	25.740.000	
36	Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy nội dung Giáo dục địa phương cấp THPT	25.740.000	
37	Hội nghị tập huấn chuyên đề nâng cao chất lượng các môn thi tốt nghiệp THPT năm 2025	135.000.000	
38	Tổ chức Hội nghị hướng dẫn triển khai Học bạ số cấp trung học	50.000.000	
39	Tập huấn công tác thư viện: liên thông thư viện cấp TH, THCS&THPT	49.800.000	
40	Tập huấn quản lý và sử dụng thiết bị dạy học	20.000.000	
41	Hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh cấp THCS, THPT	640.000.000	
42	Tập huấn khai thác, sử dụng phần mềm phổ cập giáo dục,	35.000.000	

TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ	Ghi chú
	xóa mù chữ		
43	Khảo sát chất lượng các môn thi tốt nghiệp THPT 2025 (ra đề thi)	15.903.000	
C3	Đề án Ngoại ngữ	715.769.000	
1	Đánh giá năng lực ngoại ngữ học sinh lớp 5, 9, 12	33.124.000	
2	Chương trình bồi dưỡng giáo viên Tiếng Anh thực địa và xây dựng môi trường ngoại ngữ cấp TH	167.035.000	
3	Chương trình bồi dưỡng giáo viên Tiếng Anh thực địa và xây dựng môi trường ngoại ngữ cấp THCS	133.965.000	
4	Tập huấn nâng cao chất lượng giảng dạy Tiếng Trung Quốc	15.000.000	
5	Tập huấn kiểm tra đánh giá năng lực ngoại ngữ kỹ năng Nghe - Nói theo chuẩn năng lực đầu ra	88.000.000	
6	Hội thi Q- Champion (dành cho học sinh Tiểu học)	65.000.000	
7	Hội thi Câu lạc bộ Tiếng Anh (English Talent) (dành cho học sinh THCS)	125.000.000	
8	Hội thi Tranh biện Tiếng Anh (dành cho học sinh THPT)	88.645.000	
C4	Kinh phí biên soạn TL giáo dục địa phương trong CTGDPT 2018	745.913.000	
1	Kinh phí biên soạn TL giáo dục địa phương trong CTGDPT 2018 cấp TH	261.922.933	
2	Kinh phí biên soạn TL giáo dục địa phương trong CTGDPT 2018 cấp THCS	297.691.044	
3	Kinh phí biên soạn TL giáo dục địa phương trong CTGDPT 2018 cấp THPT	186.299.023	
D	LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN MẦM NON	1.306.000.000	
D1	Lĩnh vực Giáo dục Mầm Non	717.000.000	
1	Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non tại Quảng Yên	7.200.000	
2	Kiểm tra công tác quản lý tại phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Uông Bí về triển khai thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non	7.200.000	
3	Kiểm tra triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2024-2025 tại Trường mầm non Hoa Hồng, huyện Hải Hà	15.360.000	
4	Chủ trì Kiểm tra công tác quản lý, tổ chức, hoạt động tại các cơ sở giáo dục mầm non tư thục trên địa bàn toàn tỉnh	44.600.000	
5	Tham dự Tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non	24.600.000	
6	Chủ trì Tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non năm 2025	149.680.000	
7	Chủ trì Tập huấn bồi dưỡng kỹ năng, phương pháp tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ cho giáo viên mầm non trong các cơ sở giáo dục mầm non tư thục năm 2025	52.560.000	
8	Chủ trì Tập huấn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục mầm non	54.000.000	
9	Chủ trì Hội thảo công tác phối hợp quản lý nhà nước đối với	23.400.000	

TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ	Ghi chú
	các cơ sở giáo dục mầm non tư thục		
10	Tham dự Hội nghị tổng kết GDMN năm học 2024-2025	4.400.000	
11	Chủ trì Hội nghị triển khai nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2025-2026	26.000.000	
12	Chủ trì Hội nghị Tổng kết Đề án "Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025" trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	96.000.000	
13	Chủ trì Hội nghị Tổng kết Chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm" giai đoạn 2021-2025	96.000.000	
14	Chủ trì Hội nghị Tổng kết Giai đoạn 2 thực hiện quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02/6/2016 của TTCP phê duyệt Đề án "Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025" trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	88.000.000	
15	Chủ trì Hội nghị sơ kết 02 năm triển khai thực hiện Đề án "Phát triển giáo dục mầm non tư thục" giai đoạn 2023-2025	28.000.000	
D2	Lĩnh vực Giáo dục Thường xuyên	589.000.000	
1	Kiểm tra một số trung tâm ngoại ngữ, tin học trên địa bàn thành phố Móng Cái	15.100.000	
2	Kiểm tra một số trung tâm ngoại ngữ, tin học trên địa bàn thị xã Quảng Yên	5.400.000	
3	Kiểm tra một số trung tâm ngoại ngữ, tin học, giáo dục kỹ năng sống trên địa bàn thành phố Hạ Long	7.060.000	
4	Chủ trì Hội nghị tập huấn nâng cao chất lượng hoạt động của các Trung tâm ngoại ngữ, tin học, giáo dục kỹ năng sống	72.900.000	
5	Chủ trì tổ chức Hội nghị đánh giá hiệu quả hoạt động của các trung tâm ngoại ngữ, tin học, giáo dục kỹ năng sống năm 2025, triển khai nhiệm vụ năm 2026	21.000.000	
6	Chủ trì Tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học Chương trình xóa mù chữ qua các môn học (môn Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí) và đánh giá học viên học Chương trình xóa mù chữ theo Thông tư 10/2022/TT-BGDĐT	51.620.000	
7	Dự Hội nghị tập huấn công tác tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành GDMN năm 2025 do Bộ GDĐT tổ chức	4.400.000	
8	Chủ trì Hội nghị tập huấn công tác tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non năm 2025	24.300.000	
9	Chủ trì tổ chức Khai mạc tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời năm 2025	39.200.000	
10	Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ GDTX, xây dựng XHHT tại Đầm Hà	4.740.000	
11	Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ GDTX, xây dựng XHHT tại Tiên Yên	4.640.000	
12	Chủ trì sơ kết Phong trào "Cả nước thi đua xây dựng XHHT, đẩy mạnh HTSD giai đoạn 2023 - 2030" và kế hoạch xây dựng XHHT giai đoạn 2021-2030	33.300.000	
13	Hội nghị Sơ kết Phong trào "Cả nước thi đua xây dựng XHHT, đẩy mạnh HTSD giai đoạn 2023 - 2030" ngành Giáo	30.300.000	

TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ	Ghi chú
	dục tỉnh Quảng Ninh		
14	Chủ trì tổ chức Tổng kết chương trình phối hợp giữa Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh với Sở Giáo dục và Đào tạo về việc "Đẩy mạnh công tác xây dựng xã hội học tập" ở địa bàn biên giới, hải đảo tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2018 - 2025	14.200.000	
15	Đoàn đi công tác tại tỉnh Champasak (Lào)	244.400.000	
16	Đoàn đi công tác tại Quảng Tây, Trung Quốc	16.440.000	
E	LĨNH VỰC VĂN PHÒNG	5.030.000.000	
1	Giải Điền kinh học sinh tỉnh Quảng Ninh năm 2025	450.175.000	
2	Tổ chức Hội nghị tập huấn tuyên truyền phòng, chống đuối nước cho giáo viên năm học 2025-2026	32.572.000	
3	Tổ chức Hội nghị tập huấn công tác GDTC - TTTH cho giáo viên năm học 2025-2026	27.460.000	
4	Tham dự Hội nghị tập huấn dạy bơi an toàn, phòng, chống đuối nước cho học sinh năm 2025	19.590.000	
5	Tham dự Hội nghị tập huấn Công tác GDTC, thể thao do Bộ GDĐT tổ chức năm 2025	33.250.000	
6	Tập luyện và tham gia Giải thể thao học sinh toàn quốc năm 2025: môn Điền kinh	401.740.000	
7	Hội thi Giáo viên Tổng phụ trách Giỏi năm 2025	313.120.000	
8	Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và nhân viên y tế trường học về công tác y tế trường học năm học 2025-2026	55.100.000	
9	Tham dự Hội nghị tập huấn công tác Y tế trường học cho cán bộ, nhân viên y tế trường học do Bộ GDĐT tổ chức	19.950.000	
10	Kiểm tra lĩnh vực công tác Văn phòng năm 2025	24.400.000	
11	Hội nghị công tác Văn phòng và Truyền thông khối các Sở GDĐT năm 2025	32.450.000	
12	Hội nghị Giám đốc Sở GDĐT năm 2025	32.584.000	
13	Hội nghị tổng kết năm học 2024 - 2025; triển khai nhiệm vụ năm học 2025 - 2026	88.950.000	
14	Hội nghị điển hình tiên tiến	201.010.000	
15	Tham dự Tổng kết cụm thi đua các tỉnh Đồng bằng sông Hồng	7.763.000	
16	Lễ tuyên dương nhà giáo tiêu biểu, xuất sắc năm học 2024-2025	137.650.000	
17	Tham dự Lễ Tuyên dương nhà giáo, cán bộ quản lý tiêu biểu năm 2025	9.800.000	
18	Kinh phí đường truyền FTTH (VNPT)	79.200.000	
19	Kinh phí thuê đường truyền FTTH (Viettel)	16.560.000	
20	Thuê phần mềm Hợp trực tuyến Zoom Meeting, chứng chỉ SSL cho tên miền quangninh.edu.vn (các tên miền cho học bạ số, học liệu số, quản lý trường học, ...)	5.765.000	
21	Thuê phần mềm quản lý trường học trực tuyến và phần mềm tuyển sinh đầu cấp	1.925.500.000	
22	Chỉnh lý tài liệu cơ quan giai đoạn 2014-2022 vào lưu trữ lịch sử giai đoạn 2014 trở về trước	914.375.000	
	Thuê đường truyền số liệu chuyên dùng phục vụ hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến và Chính quyền điện tử tỉnh	176.286.000	

TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ	Ghi chú
	Quảng Ninh		
23	Tuyên dương học sinh đạt giải học sinh giỏi Quốc gia năm học 2024-2025	24.750.000	
F	LĨNH VỰC KẾ HOẠCH, TÀI CHÍNH	203.000.000	
1	Hội nghị Tập huấn chế độ Kế toán hành chính sự nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư 24/2024/TT-BTC)	4.500.000	
2	Kiểm tra thực hiện chế độ, chính sách học sinh tại các đơn vị thuộc Sở GDDT, Phòng GD&ĐT và các một số trường trên địa bàn: Ba Chẽ, Tiên Yên và Bình Liêu và Kiểm tr việc thực hiện công tác Kiểm định chất lượng Giáo dục và xây dựng trường đạt CQG tại phòng GD&ĐT Ba Chẽ	44.500.000	
3	Thẩm định điều kiện thực tế thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt	39.000.000	
4	Kiểm tra thực hiện các khoản thu đầu năm học tại một số trường THPT: Trần Phú và Hải Đảo	28.000.000	
5	Tập huấn tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, thuộc phạm vi quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo	43.990.000	
6	Xét duyệt Quyết toán ngân sách các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở năm 2024	43.010.000	
V	CHÍNH SÁCH THU HÚT SINH VIÊN TỐT NGHIỆP XUẤT SẮC, CÁN BỘ KHOA HỌC TRẺ	66.000.000	
VI	HỖ TRỢ HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 - 2025 THEO QUY ĐỊNH NGHỊ QUYẾT SỐ 42/2024/NQ-HĐND NGÀY 23/9/2024 CỦA HĐND TỈNH	11.273.000.000	
VII	KINH PHÍ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG VÀ HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ ĐỐI VỚI MỘT SỐ LOẠI CÔNG VIỆC THEO NGHỊ ĐỊNH 111/2022/NĐ-CP NGÀY 30/12/2022 CỦA CHÍNH PHỦ	359.000.000	
VIII	QUỸ TIỀN THƯỞNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP	619.000.000	
IX	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI	229.000.000	
1	Chương trình bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025	112.000.000	
2	Chương trình hành động về bình đẳng giới và phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới'	88.000.000	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ninh)	29.000.000	